

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT- TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Lê Kim Đó

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Thơm

2. Bà Mai Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyến - Thư ký Tòa án huyện Thống Nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa bà Ngô Phương Hoàng Giang kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019, về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 46A/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 06/9/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị Q**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai

2. *Bị đơn:* Anh **Võ Hoàng P**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai

(Chị A có mặt, anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Vũ Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Q và anh Võ Hoàng P được tự nguyện tìm hiểu yêu thương, năm 2014 thì tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, đến ngày 17/01/2014 thì được cấp giấy chứng nhận kết hôn, đây là hôn nhân lần đầu của chị A.

Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đến tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P sống không có trách nhiệm, không lo làm ăn để phụ giúp gia đình cùng chị A nuôi con, anh P thích chơi game, chị A nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh không sửa đổi tính xấu, từ đó

phát sinh mâu thuẫn vợ chồng gây gổ, anh P đánh chị A, đời sống chung không hạnh phúc. Tháng 10/2018 vợ chồng sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh P có đến gặp chị A bàn bạc đoàn tụ, nhưng chị A không đồng ý.

Trước Tòa án chị A xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh P, yêu cầu Tòa án xét xử cho chị được ly hôn với anh Võ Hoàng P.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con; cháu Võ Hoàng Bảo N; sinh ngày 02/9/2013; Võ Hoàng Bảo N; sinh ngày 22/4/2015. Khi ly hôn chị A yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng), theo chị A cung cấp anh P hiện có nghề nghiệp làm tài xế, anh có thu nhập ổn định nên anh P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Cháu N đang học lớp 01, cháu N hiện nay đang học mẫu giáo, chi phí tiền học, ăn uống, tiền sữa là khoảng 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Hiện nay chị A làm công nhân lương thu nhập hàng tháng là 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị A không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Võ Hoàng P không chấp hành pháp luật, không đến Tòa án tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh P được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tổng tụng nhưng anh P không chấp hành pháp luật không tham gia phiên tòa hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A; về con chung tạm giao cho chị A nuôi dưỡng, buộc anh Võ Hoàng P phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động; về tài sản chung, nợ chung chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị A, anh P phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn chị Vũ Thị Q khởi kiện tranh chấp ly hôn; bị đơn anh Võ Hoàng P có nơi cư trú tại địa chỉ khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh Võ Hoàng P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số 82 vào ngày 18/03/2019; giấy triệu tập số 02 vào ngày 10/4/2019; Thông báo giao nộp chứng cứ số 09 vào ngày 29/4/2019; Thông báo về phiên

hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 14 ngày 04/6/2019; Thông báo về kết quả phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Thông báo hòa giải vào ngày 12/6/2019 người nhận là bà Nguyễn Thị X (bà ngoại anh P sống cùng nhà nhận thay), nhưng anh P vắng mặt không đến Tòa án tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Ngày 16/8/2019, Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36 ngày 14/8/2019 cho anh Võ Hoàng P người nhận thay bà Nguyễn Thị X, thông báo thời gian mở phiên tòa vào lúc 08 giờ ngày 06/9/2019, anh P vắng mặt không có lý do, hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Ngày 06/9/2019, Tòa án tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa số 46 ngày 06/9/2019 cho anh P người nhận thay là bà Nguyễn Thị X, thông báo thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 13 giờ 30 ngày 30/9/2019, anh P tiếp tục vắng mặt không có lý do nên hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung xử vắng mặt anh Phúc.

[2] Xét quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa chị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Võ Hoàng P, xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị A và anh P sống ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay không bàn bạc đoàn tụ.

Về phía bị đơn anh Võ Hoàng P không chấp hành pháp luật, không tham gia phiên tòa.

Trên cơ sở lời khai của chị A Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/01/2014, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên hôn nhân của chị A và anh P được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị A được quyền xin ly hôn với anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa chị A khai anh P sống không có trách nhiệm với gia đình, anh nghiện chơi game, không phụ giúp chị A trong việc chăm sóc nuôi dưỡng các con, chị A nhiều lần khuyên anh sửa đổi những anh không nghe dẫn đến mâu thuẫn gây gổ, anh P đánh chị.

Theo biên bản xác minh tại địa phương vào ngày 05/7/2019 cung cấp: Chị A và anh P chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nhưng địa phương không rõ nguyên nhân, năm 2018 thì chị A và các con không còn sinh sống tại địa phương.

Tòa án đã triệu tập anh P đến Tòa án giải quyết và hòa giải cùng với chị A, nhưng anh P không chấp hành. Trên cơ sở đó cho thấy hôn nhân giữa chị A và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A cho chị được ly hôn với anh P.

[3] Xét về nuôi con chung: Chị A khai anh chị chung sống với nhau có 02 con chung là cháu Võ Hoàng Bảo N; sinh ngày 02/9/2013; Võ Hoàng Bảo N;

sinh ngày 22/4/2015, chị A có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Từ năm 2018 khi chị A và anh P sống ly thân cháu N, cháu N đã sống cùng với chị A. Để đảm bảo việc phát triển bình thường về tâm lý cho cháu Ngọc, cháu N hội đồng xét xử giao 02 con chung cho chị A tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Tại phiên tòa chị A có yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi 02 con chung, vì hiện nay cháu N đang học lớp 1, cháu N đang học mẫu giáo, thu nhập tiền lương công nhân của chị A khoảng 7.000.000đồng/tháng nên việc nuôi con gặp khó khăn về kinh tế; Hội đồng xét xử nhận định.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh P vắng mặt, hội đồng xét xử không điều tra làm rõ được thu nhập tiền lương ổn định của anh P.

Tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”

Do đó cần buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét về chia tài sản và nợ chung: Chị Vũ Thị Q không tranh chấp nên hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị Vũ Thị Q và anh Võ Hoàng P phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Q và anh Võ Hoàng P được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Hoàng Bảo N; sinh ngày 02/9/2013; Võ Hoàng Bảo N; sinh ngày 22/4/2015, cho chị Vũ Thị Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Võ Hoàng P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung (cháu N; N) mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), mỗi cháu 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Về thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo quy định tại điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày quyết định được ban hành và chị Acó đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh P không cấp dưỡng nuôi con với số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Võ Hoàng P được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản; nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 001707 ngày 07/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị A đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Võ Hoàng P phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H. Thống Nhất;
- UBND xã Gia Tân 2 ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Đó

